

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30/8/2024
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Ân.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Trường Hải;
Bà Nguyễn Thị Thu Hương.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Châu Quốc D, sinh năm 1982; (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ D, ấp D, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.
- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1986; (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ D, ấp D, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai của đương sự, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Châu Quốc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thu H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 01/10/2010 tại UBND xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Việc sống chung và kết hôn là do ông và bà H tự nguyện. Thời gian đầu chung sống thì hạnh phúc nhưng sau đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, không thể hòa hợp với nhau được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, bị đơn không chung thủy trong đời sống vợ chồng, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng đã ly thân từ lâu, không thể hòa giải đoàn tụ được nên ông nộp đơn yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung tên Châu Phúc T, sinh ngày 05/02/2004 và Châu Phúc L, sinh ngày 25/02/2006. Hiện Châu Phúc T và Châu Phúc L đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất với lời khai của ông Châu Quốc D về thời gian sống chung, kết hôn. Bà nhận thấy cuộc sống hai vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Tuy nhiên, với yêu cầu xin ly hôn của ông Châu Quốc D, bà không đồng ý ly hôn. Bà chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện nguyên đơn phải chia tài sản chung cho bà. Bà không có yêu cầu phản tố về chia tài sản chung vì không có tiền nộp tạm ứng án phí.

Về con chung: Bà và ông Châu Quốc D có 02 con chung tên Châu Phúc T, sinh ngày 05/02/2004 và Châu Phúc L, sinh ngày 25/02/2006. Hiện Châu Phúc T và Châu Phúc L đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn ông Châu Quốc D.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có ý kiến về yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn: Vợ chồng không có tài sản chung, hiện tại đang ở trên căn nhà tình thương nên không có tài sản chung để chia cho bị đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục và thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Châu Quốc D và bà Nguyễn Thị Thu H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa ông D và bà H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông D yêu cầu được ly hôn với bà H. Bị đơn bà H không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hiện tại, ông D và bà H không còn sống chung. Viện kiểm sát xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà H đã trầm trọng, không còn hàn gắn được nữa, cuộc sống hai vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Ông Châu Quốc D và bà Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung tên Châu Phúc T, sinh ngày 05/02/2004 và Châu Phúc L, sinh ngày 25/02/2006. Hiện Châu Phúc T và Châu Phúc L đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Quốc D là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Quốc D về việc ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; hiện bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đang thường trú tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn ông Châu Quốc D có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Châu Quốc D và bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên nguyên đơn ông Châu Quốc D xin ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

[3] Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P ngày 29 tháng 7 năm 2024 thì ông D và bà H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Nguyên nhân phát sinh của việc tranh chấp ly hôn giữa ông D và bà H thì chính quyền địa phương không nắm rõ, do đương sự giải quyết nội bộ, cũng không trình báo sự việc hay đề nghị chính quyền địa phương can thiệp giải quyết. Hiện tại, bà H và ông D đã sống ly thân.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng ông D và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Quốc D được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Ông Châu Quốc D và bà Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung tên Châu Phúc T, sinh ngày 05/02/2004 và Châu Phúc L, sinh ngày

25/02/2006. Hiện Châu Phúc T và Châu Phúc L đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147 và các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu Quốc D đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H về việc “Ly hôn”.

2. Về quan hệ hôn nhân: Ông Châu Quốc D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H.

3. Về con chung: Ông Châu Quốc D và bà Nguyễn Thị Thu H có 02 con chung tên Châu Phúc T, sinh ngày 05/02/2004 và Châu Phúc L, sinh ngày 25/02/2006. Hiện Châu Phúc T và Châu Phúc L đã trưởng thành, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Châu Quốc D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do ông Châu Quốc D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003978 ngày 18 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Ân